

示意圖片及文字僅供參考，原塊肉品切片後油花、紋路皆不相同，食材的產地、種類、等級、價格等，以門市當日進貨或實際供應為準，食材有異動時，將以等值商品替代，恕不另行通知。

皇上套餐

Set menu / スープベース / 스프 베이스 / ซุปฐาน / Bô combo

平日午餐限定



2人特選燻肉套餐 \$1380
 飲料 4選2
 2-person Premium Angus Set Menu
 2人プレミアム Angus セットメニュー
 2인 프리미엄 앵거스 세트 메뉴
 2 người đặc biệt Angus cho 2 người



2人特上海陸套餐 \$1680
 飲料 4選2
 Two People Luxury Surf & Turf Set
 2人前シーフード&ミートセット
 2인 특 해육 세트 메뉴
 2 người đặc biệt sảng trong 2 người



2人豪華饗宴海陸套餐 \$2180
 飲料 4選2
 2-person Deluxe Land and Sea Combo
 2人デラックスランド&シーコンボ
 2인 디럭스 랜드 앤드 씨 콤보
 2 người đặc biệt sảng trong 2 người



2人極上龍蝦和牛海陸套餐 \$2880
 飲料 4選2
 2-person Lobster and Wagyu Land and Sea Combo
 2人用ロブスターと和牛ランド&シーコンボ
 2인 용 로브스터와 와규 랜드 앤드 씨 콤보
 2 người tôm hùm và bò Wagyu Combo đất và biển



4人豪華饗宴海陸套餐 \$3980
 飲料 4選4
 Four People Luxury Surf & Turf Set
 4人特別シーフード&ミートセット
 4인 특 해육 세트 메뉴
 4 người đặc biệt sảng trong 4 người



4人極上龍蝦和牛海陸套餐 \$5280
 飲料 4選4
 Four People Wagyu Surf & Turf Set
 4人前和牛シーフード&ミートセット
 4인 특 와규 세트 메뉴
 4 người tôm hùm và bò Wagyu cấp độ cao cấp cho 4 người

單一湯頭

Choose 1 soup base from 7 options / 7種類的スープベースから1つ選択してください
 7가지 종류의 스프 베이스 중에서 1가지 선택하세요 / เลือกได้ 1 ซุปเบสจาก 7 ตัวเลือก / Chọn 1 nền súp từ 7 lựa chọn



宮廷麻辣湯+養心蔬菜湯
 Spicy Hot Pot+Vegetable Hot Pot
 麻辣スープ(激辛スープ)+野菜スープ
 중국식 매운찌개+야채 사브사브
 หม้อ ลวกพริกขี้หนู+หม้อ ลวกผักต่างๆ
 Lẩu cay + Lẩu rau củ



美人養生湯+養心蔬菜湯
 Healthy Hot Pot+Vegetable Hot Pot
 養生のスープ+野菜スープ
 건강찌개+야채 사브사브
 หม้อ ลวกไก่+หม้อ ลวกผักต่างๆ
 Lẩu dinh dưỡng + Lẩu rau củ



胡椒豬肚雞湯+養心蔬菜湯
 Pepper Pork Belly and Chicken Soup+Vegetable Hot Pot
 胡椒豚毛ツ鶏スープ+野菜スープ
 후추 피막집장 닭고기 튀김+야채 사브사브
 หม้อ ลวกหมูและไก่+หม้อ ลวกผักต่างๆ
 Ba chỉ heo hời tiêu và súp gà + Lẩu rau củ



老饕酸菜白肉湯+養心蔬菜湯
 Marinated Cabbage Soup+Vegetable Hot Pot
 酸っぱい白菜の漬物の豚+野菜スープ
 중국식 배추절임 피막+야채 사브사브
 หม้อ ลวกหมูและ白菜+หม้อ ลวกผักต่างๆ
 Canh bắp cải sốt cà chua + Lẩu rau củ



花膠干貝老火湯+養心蔬菜湯
 Free-Range Chicken Hot Pot with Fish Maw and Scallops
 +Vegetable Hot Pot
 魚の浮袋と貝入り地鶏健康スープ+野菜スープ
 부레 관자 닭고기 튀김+야채 사브사브
 หม้อ ลวกไก่และหอย+หม้อ ลวกผักต่างๆ
 Lẩu gà muối tự nhiên với vẩy cá và sò điệp + Lẩu rau củ



養心蔬菜湯
 Vegetable Hot Pot
 野菜スープ
 야채 사브사브
 หม้อ ลวกผักต่างๆ
 Lẩu rau củ

宮廷麻辣湯
 以牛肉、八角、白荳蔻、草果、A級青花椒、A級大紅袍、老薑、朝天椒、大蒜、黑豆瓣、肉桂、丁香、白胡椒、燈籠椒、蒜苗熬煮，冰糖調味。
 ◎麻辣湯含牛肉成份
 ◎過敏體質及孕婦請斟酌食用

美人養生湯
 以雞肉、大骨、西芹、青蔥、老薑、大蒜、白豆蔻、枸杞、紅棗、龍眼、川芎、人參、蜜棗熬煮，鹽糖調味。
 ◎養生湯含人參成份
 ◎過敏體質及孕婦請斟酌食用

胡椒豬肚雞湯
 以雞肉、大骨、西芹、青蔥、老薑、紅棗、枸杞、白胡椒粒、鹽糖調味，再加入豬肚、雞腿肉。
 ◎過敏體質及孕婦請斟酌食用

老饕酸菜白肉湯
 以西芹、老薑、香菇、玉米、蕃茄、紅蘿蔔熬煮，鹽糖調味。
 再加入山東酸白菜、屏東活園豬五花及現切牛番茄。

花膠干貝老火湯
 以雞肉、大骨、西芹、青蔥、老薑、香菇、玉米、蕃茄、紅蘿蔔熬煮，鹽糖調味，加入鮑魚、花膠、珠貝、蛤蜊、蒜仁。
 ◎過敏體質及孕婦請斟酌食用

養心蔬菜湯
 以西芹、老薑、香菇、玉米、蕃茄、紅蘿蔔熬煮，鹽糖調味。

示意圖片及文字僅供參考，原塊肉品切片後油花、紋路皆不相同，食材的產地、種類、等級、價格等，以門市當日進貨或實際供應為準，食材有異動時，將以等值商品替代，恕不另行通知。

大盤肉 Platter of meat / 肉のプラッター / 고기 플래터 / จานเนื้อ / Thịt nướng lớn" hoặc



20盎司 \$1188
好運爆發和牛火山
Beef Combo, 20oz.
ビーフコンボ, 20オンス
소고기 20oz, 20ounce
เนื้อ 20ounce
Đĩa thịt bò 20 ounce đa dạng



12盎司 \$1088
美國Choice無骨牛小排
Boneless Beef Short Ribs, 12oz.
骨なし牛ステーキ, 12オンス
뼈 없는 소 갈비, 12온스
เนื้อ 12ounce
12 oz Sườn non bò rút xương Choice Hoa Kỳ



18盎司 \$888
花開富貴牛拼盤
Beef platter, 18 oz.
ビーフプラッター, 18オンス
소고기 플래터, 18 온스
เนื้อ 18ounce
18 oz Đĩa lồng hộp bò Hoa Khai Phú Quý



12盎司 \$688
美國CAB安格斯黑牛
Angus Chuck Roll, 12oz.
안格斯챠크롤, 12온스
영거스 롤, 12온스
เนื้อ 12ounce
Bò Angus đen CAB Mỹ 12 ounce



18盎司 \$688
吉祥如意豬拼盤
Pork Combo, 18oz.
豚肉コンボ, 18オンス
돼지고기 갈비, 18온스
เนื้อ 18ounce
18 oz Đĩa lồng hộp heo Cát Tường Như Ý



生日肉蛋糕 \$688
Beef and Pork Combo Platter
牛肉と豚肉のコンボプレート
소고기와 돼지고기 혼합 고기
장어플러터 포함
10 oz Bánh kem thịt sinh nhật



14盎司 \$588
美國頂級牛胸腹肉
Choice Beef Brisket, 14oz.
치이스비프브리스켓, 14온스
소이스 소고기 갈다리, 14온스
เนื้อ 14ounce
14 oz Thịt ức bụng bò đẳng cấp Choice Hoa Kỳ

和牛 Wagyu beef / 和牛 / 와규 / เนื้อวากิว / Bò Wagyu



世界三大和牛拼盤 \$1688
Three kinds of Wagyu beef platter
和牛三種盛り合わせ
삼종 와규 코스
จานสามชนิดเนื้อ วากิว
Đĩa thịt bò Wagyu ba nước lớn



日本神戸紅酒和牛 \$1388
Kobe Wine Wagyu
神戸ワイン和牛
고베 와인 와규
โท쿠ราเมะ วากิว
Bò Wagyu rượu vang đỏ Nhật Bản



美國SRF極黑和牛霜降 \$1088
U.S. SRF Wagyu
アメリカ産SRF和牛
SRF 흑 와규 (미국산)
เนื้อ 18ounce
Bò Wagyu cực đen SRF Hoa Kỳ



澳洲M8+和牛嫩肩 \$788
AUJ M8-9+ Wagyu
オーストラリアM8-9+黒毛和牛
M8-M9+ 와규 (호주산)
เนื้อ 18ounce
Bò Wagyu lông đen Úc M8-M9+ chuẩn chủng

牛肉 Beef / 牛肉 / 소고기 / เนื้อวัว / thịt bò



美國Choice無骨牛小排 \$688
Short Ribs, Boneless
アメリカChoice 骨なしリブ
미국Choice 쇠갈비
เนื้อ 12ounce
Sườn non bò rút xương Choice Hoa Kỳ



美國冷藏熟成安格斯神牛 \$588
U.S. Chuck Flap Tail
アメリカ産熟成アップラブテール
미국 척 플랩 테일
เนื้อ 12ounce
Bò cổ tích Angus ướp lạnh Hoa Kỳ



美國1855Prime雪花牛 \$568
U.S. 1855 Prime Marble Beef
アメリカ産1855Prime マーブルビーフ
미국1855프리미엄 차돌박이(미국산)
เนื้อ 18ounce
Bò mỡ giết Prime 1855Prime cổ điển Hoa Kỳ



美國CAB安格斯黑牛 \$388
U.S. CAB Angus Chuck Roll
CAB 안格斯
미국CAB블랙영거스 (미국산)
เนื้อ 12ounce
Bò đen Angus CAB Hoa Kỳ



紐澳O彈牛舌 \$388
Australia Ox Tongue
オーストラリア産キタン
소혀(호주산)
เนื้อ 12ounce
Lưỡi bò cao cấp Úc



美國頂級牛胸腹肉 \$288
U.S. Short Plate
칼비
소이스 갈우삼겹
เนื้อ 12ounce
Ức bụng bò Hoa Kỳ

豬肉 Pork / 豚肉 / 돼지고기 / เนื้อหมู / thịt heo



手切玫瑰松阪豬 \$388
A-Grade Matsusaka Pork
Aグレード霜降り豚肉A급
왕갈비
เนื้อ 12ounce
Thịt heo Matsusaka hạng A



屏東活菌豬梅花 \$288
Pingtung Pork Shoulder
屏東產豚肩口스
돼지 목심(대만산)
삼겹살
เนื้อ 12ounce
Thịt nạc vai heo



屏東活菌豬五花 \$288
Pingtung Pork Belly
屏東產豚五花
삼겹살(대만산)
เนื้อ 12ounce
Thịt ba chỉ heo

雞肉.羊肉 Chicken.Lamb / 雞肉.ラム肉 / 닭고기.양고기 / ไก่.เนื้อแกะ / gà.cừu



紐澳小羔羊嫩肩 \$388
N.Z. and Australia Lamb Shoulder
ニュージーランドとオーストラリア産の羔羊
shoulder羊肩口스
양고기
เนื้อ 12ounce
Vai cừu non New Zealand và Úc



帶骨土雞腿 \$188
Tender Chicken Leg with Bone
骨付き柔らかい鶏もも肉
腿 12ounce
เนื้อ 12ounce
Đùi gà non có xương

示意圖片及文字僅供參考，原塊肉品切片後油花、紋路皆不相同，食材的產地、種類、等級、價格等，以門市當日進貨或實際供應為準，食材有異動時，將以等值商品替代，恕不另行通知。

十三香滷味

Taiwanese Braised Delicacies / 台灣の煮込み料理 / 대만의 조림 요리 / อาหารต้มน้ำซุ๊ปแช่โต๋ห้วน / Đặc sản hầm của Đài Loan" hoặc "Món hầm đặc sản Đài Loan



十三香綜合滷三寶 \$368
 Mixed Taiwanese Stews
 台灣のミックスシチュー
 대만 혼합 스튜
 สตูผสมโต๋ห้วน
 Món hũc của Đài Loan



十三香滷蜂巢牛肚 \$258
 Stewed Beef Belly
 牛鞭筒の煮込み
 스테이크 배구이
 สเต็อบริเวณ
 Tàng ở bò



十三香滷肥腸 \$258
 Stewed Pork Intestine
 豚の腸の煮込み
 돼지 창자 조림
 ต้มหมูตูด
 Lòng bò luộc



十三香滷牛筋 \$238
 Marinated Beef Tendon
 牛筋筒の煮込み
 소 혀막지 건더기 구이
 สเต็อบริเวณ
 Sườn bò luộc



十三香排骨酥 \$158
 Crispy Spare Rib
 カリカリスヘアリップ
 非常한 갈비
 สเต็อบริเวณ
 Xương sườn



十三香滷豬肚 \$158
 Stewed Pork Intestine
 美豚の腸
 찌개된 돼지 막창
 ต้มหมูตูด
 Lòng heo hầm nước

綜合海鮮

Mixed Seafood / ซีฟู้ดมิกซ์ / 혼합 해산물 / รวมอาหารทะเล / Hải sản tổng hợp



龍蝦4品 \$1688
 Lobster & Shrimp Platter
 ロブスターとエビのプラッター
 랍스터와 새우 플레이트
 สเต็อบริเวณ
 Dĩa hải sản với tôm và tôm hùm



豪華海鮮8品 \$798
 Deluxe Seafood (8 Varieties)
 豪華なシーフード (8種類)
 고급 해산물 (8가지)
 อาหารทะเลพรีเมียม (8 รายการ)
 Dĩa biển 8 món sang trọng



明蝦4品 \$688
 4 Varieties of Prawns
 明蝦4種
 종류별 4종의 새우
 4 4 4 4
 Bốn loại tôm sú



鮮魚盛合 \$388
 Assorted Fresh Fish
 鮮魚の盛り合わせ
 신선한 생선 다채로운 조합
 ปลาสดหลากหลายชนิด
 Hải sản tươi sống đa dạng

鮮魚

Fresh Fish / 鮮魚 / 신선한 생선 / ปลาสด / Cá tươi



鮮嫩鮭魚菲力 \$288
 Norwegian Salmon
 ノルウェーサーモン
 노르웨이 연어
 ปลาแซลมอนนอร์เวย์
 Cá hồi Na Uy



深海金目鱸魚 \$228
 Sea Bass
 스페인어
 金目
 ปลาแซลมอน
 Cá nước



極鮮鯛魚 \$198
 Sea Bream
 タイの切り身
 鯛
 ปลาแซลมอนสดจากท่าเรือภูเก็ต
 Cá hồng



鮮嫩烏鯉魚 \$188
 Black Carp Fillet
 ツゴイ魚の切り身
 검은 잉어 필렛
 ปลาแซลมอนสด
 Cá chép đen, thịt cá chép đen

鮮蝦

Fresh shrimp / 新鮮なエビ / 신선한 새우 / หุ้งสด / Tôm tươi



大龍蝦 \$1288
 Lobster
 ロブスター
 랍스터
 สเต็อบริเวณ
 Tôm hùm



澎湖明蝦 \$658
 Penguin prawn
 澎湖エビ
 鰓蛄 새우
 หุ้งสด
 Tôm Bành Hồ



阿根廷天使大紅蝦 \$298
 Argentine Red Shrimp
 アルゼンチンレッドシュリンプ
 아르헨티나 레드 슈림프
 หุ้งสด
 Tôm đỏ thiên thần Argentina



巨大黑虎蝦 \$268
 Giant sea tiger prawns
 大龍蝦
 대항새우
 หุ้งสด
 Tôm sú hoàng dã



藍鑽蝦 \$228
 Blue Diamond Shrimp
 ブルーダイヤモンドシュリンプ
 블루 다이아몬드 슈림프
 หุ้งสด
 Tôm kim cương xanh Á Rập

貝類

Shellfish / 貝類 / 조개류 / หอย / Hải sản sò



北海道大干貝 \$288
 Hokkaido scallops
 北海道の水テマリ
 scallops
 Sò điệp ăn sống Hokkaido



九孔鮑魚 \$268
 Abalone
 アワビ
 九孔
 หุ้งสด
 Bào ngư chín lỗ



新鮮大蛤蜊 \$188
 Large clam
 大カキの
 หุ้งสด
 Nghêu

蟹類

Crab / かに / 게 / 蟹 / Hải sản cua



鮮甜蟹管肉 \$228
 Crab meat
 かに肉
 게고기
 สเต็อบริเวณ
 Thịt ống cua

軟絲

Squid / いか / 오징어 / หมึก / Mực mềm



深海O彈軟絲 \$288
 Neritic Squid
 いか
 대만 평후 오징어
 ปลาหมึกทะเล(ทะเลโต๋ห้วน)
 Mực lá

示意圖片及文字僅供參考，原塊肉品切片後油花、紋路皆不相同，食材的產地、種類、等級、價格等，以門市當日進貨或實際供應為準，食材有異動時，將以等值商品替代，恕不另行通知。

手工丸 Handmade Meatballs / 手作りの団子 / 수제 고기볼 / ลูกชิ้นเนื้อสดทำด้วยมือ / Viên tay làm

 <p>小心燙口</p> <p>綜合手工丸4品 \$208</p> <p>Mixed Handmade Meatballs (4 Varieties) ミックス手作り団子 (4種類) 혼합 수제 고기볼 (4가지 종류) 多种“新鲜”肉丸(4种肉) Bốn loại viên tay chế tổng hợp</p>	 <p>小心燙口</p> <p>干貝三鮮丸 \$258</p> <p>Scallop Seafood Balls ホタテシーフードボール 가리비 해산물볼 干贝“新鲜”海鲜丸 Viên sò điệp</p>	 <p>小心燙口</p> <p>爆漿起司牛丸 \$238</p> <p>Cheese Beef Meatballs 치즈ビー프미트ボール 치즈 공고기볼 芝士“新鲜”牛丸 Bò viên phô mai nhiều nước</p>	 <p>小心燙口</p> <p>芥末包心丸 \$158</p> <p>Mustard Stuffed Balls マスタード詰めボール 겨자 속막 芥末“新鲜”包心丸 Viên nhồi mù tạt</p>	 <p>小心燙口</p> <p>爆汁鮮魚丸 \$158</p> <p>Juicy Fish Balls ジューシーな魚の団子 魚肉豊 団子 新鲜“新鲜”鱼丸 Cá viên tươi nhiều nước</p>	 <p>小心燙口</p> <p>芋角鮮肉丸 \$158</p> <p>Taro Meatballs タロイモミートボール 고구마 고기볼 芋角“新鲜”猪肉丸 Viên thịt khoai mỡ</p>
--	--	--	---	--	---






手工餃 Handmade Dumplings / 手作りの餃子 / 수제 만두 / 手擀餃子 / Bánh giò tự làm

 <p>綜合手工餃4品 \$198</p> <p>Mixed Handmade Dumplings (4 Varieties) 4種類の手作り餃子の盛り合わせ 다양한 수제 만두 4종 多种“新鲜”肉丸(4种肉) Bốn loại bánh giò tự làm đa dạng</p>	 <p>手工土雞蛋餃 \$128</p> <p>Handmade Chicken Egg Dumplings 手作りの鶏卵餃子 수제 닭알 만두 手“新鲜”鸡蛋“新鲜”饺子 Há cảo trứng gà công</p>	 <p>手工海鰻魚餃 \$128</p> <p>Handmade Eel Dumplings 手作りのうなぎの餃子 수제 장어 만두 手“新鲜”海鳗“新鲜”饺子 Há cảo cá lươn biển thủ công</p>	 <p>手工海鰻蝦餃 \$128</p> <p>Handmade Eel and Shrimp Dumplings 手作りのうなぎとエビの餃子 수제 장어와 새우 만두 手“新鲜”海鳗“新鲜”和“新鲜”虾“新鲜”饺子 Há cảo tôm lươn biển thủ công</p>	 <p>手工四川抄手 \$128</p> <p>Handmade Sichuan Dumplings 手作りの四川餃子 수제 사천 만두 手“新鲜”四川“新鲜”饺子 Món xào Tứ Xuyên thủ công</p>	 <p>手工福記燕餃 \$128</p> <p>Pork Dumplings 豚肉餃子 수제 고기 만두 手“新鲜”猪肉“新鲜”饺子 Há cảo yến</p>
--	---	---	---	--	---

手打海鮮滑 Handmade Seafood Paste / 手作りのシーフードペースト / 수제 해산물 페이스트 / เนื้อทะเลทำเอง / Hải sản xối tự làm

 <p>綜合手打滑 \$398</p> <p>Mixed Handmade Seafood Paste ミックス手作りシーフードペースト 혼합 수제 해산물 페이스트 多种“新鲜”海鲜“新鲜”滑 Bánh hải sản tự làm đa dạng</p>	 <p>手打干貝花枝滑 \$148</p> <p>Handmade Scallop and Squid Paste 手作りホタテとイカのペースト 수제 가리비와 오징어 페이스트 手“新鲜”干贝“新鲜”和“新鲜”花枝“新鲜”滑 Sò điệp mực nang sốt thủ công</p>	 <p>手打鮮蝦滑 \$138</p> <p>Handmade Shrimp Paste 手作りのエビペースト 수제 새우 페이스트 手“新鲜”鲜虾“新鲜”滑 Tôm nang sốt thủ công</p>	 <p>手打花枝滑 \$138</p> <p>Handmade Squid Paste 手作りのイカペースト 수제 오징어 페이스트 手“新鲜”花枝“新鲜”滑 Mực nang sốt thủ công</p>
--	---	---	--

現採鮮菇 Fresh Shiitake Mushrooms / 新鮮なしいたけ / 신선한 표고버섯 / เห็ดหอมสด / Nấm tươi mới thu hoạch

 <p>綜合鮮菇 \$198</p> <p>Assorted Mushroom Platter 雜合平/コブプラター 다양한 버섯 플레터 多种“新鲜”菇 Nấm tươi tổng hợp</p>	 <p>鴻喜菇 \$128</p> <p>Enoki Mushroom エノキ 平“新鲜”菇 平“新鲜”菇 Nấm ngọc châm</p>	 <p>美白菇 \$128</p> <p>White Mushroom 白ひげ/コ 白“新鲜”菇 白“新鲜”菇 Nấm trắng</p>	 <p>杏鮑菇 \$108</p> <p>Shimeji Mushroom シメジ 杏“新鲜”菇 杏“新鲜”菇 Nấm ngọc châm</p>	 <p>金針菇 \$88</p> <p>King Oyster Mushroom エリンギ 平“新鲜”菇 平“新鲜”菇 Nấm kim châm</p>
--	---	---	--	--

示意圖片及文字僅供參考，原塊肉品切片後油花、紋路皆不相同，食材的產地、種類、等級、價格等，以門市當日進貨或實際供應為準，食材有異動時，將以等值商品替代，恕不另行通知。

豆製品 Soybean products / 大豆食品 / 대두 식품 / ผลิตภัณฑ์ถั่วเหลือง / Sản phẩm từ đậu



非基改
響鈴卷 \$98
 Soy Skin Roll
 響鈴卷
 響鈴卷
 響鈴卷
 響鈴卷



經典老油條 \$68
 Fried Dough Stick
 揚げパン
 炸油條
 炸油條



非基改
自製凍豆腐 \$68
 Frozen Tofu
 凍豆腐
 凍豆腐
 凍豆腐



非基改
生鮮腐竹 \$68
 Dried Bean Curd Sheet
 腐竹
 腐竹
 腐竹



手工米血糕 \$68
 Pork Blood Glutinous Rice Cake
 豚血もち米ケーキ
 豬血米糕
 豬血米糕

麵食 Flour-based food / 小麦粉食品 / 밀가루 식품 / อาหารที่ใช้แป้งสาลี / Mỳ



讚岐烏龍麵 \$88
 Kagawa Udon Noodles
 讃岐うどん
 讚岐烏龍麵
 讚岐烏龍麵



韓國不倒翁泡麵 \$58
 Korean Instant Noodles
 韓國인스턴트라면
 韓國泡麵
 韓國泡麵



王子麵 \$38
 Instant Noodles
 인스턴트라면
 泡麵
 泡麵



雞蛋/顆 \$15
 Egg
 타마고
 雞蛋
 雞蛋

新鮮時蔬 Fresh vegetables / 新鮮な野菜 / 신선한 채소 / ผักสด / Rau củ tươi



綜合鮮蔬 \$268
 Assorted vegetable platter
 野菜の盛り合わせ
 綜合鮮蔬
 綜合鮮蔬



大甲芋頭 \$88
 Taro
 紫芋
 大甲芋頭
 大甲芋頭



翠玉白菜 \$78
 Baby Cabbage
 베이비キャベ츠
 翠玉白菜
 翠玉白菜



水蓮 \$78
 Water/Snowflake
 산채
 水蓮
 水蓮



高麗菜 \$68
 Cabbage
 キャベツ
 高麗菜
 高麗菜



大白菜 \$68
 Chinese Cabbage
 중국キャベ츠
 大白菜
 大白菜



福山萵苣 \$68
 Lettuce
 レタス
 福山萵苣
 福山萵苣



水果玉米 \$68
 Sweet Corn
 스위트코른
 水果玉米
 水果玉米



玉米筍 \$68
 Baby Corn
 스코른
 玉米筍
 玉米筍



牛蕃茄 \$68
 Tomato
 토마토
 牛蕃茄
 牛蕃茄



南瓜 \$68
 Pumpkin
 카부치야
 南瓜
 南瓜

示意圖片及文字僅供參考，原塊肉品切片後油花、紋路皆不相同，食材的產地、種類、等級、價格等，以門市當日進貨或實際供應為準，食材有異動時，將以等值商品替代，恕不另行通知。

單點冷飲 Cold drinks / 冷たい飲み物 / 차가운 음료 / เครื่องดื่มเย็น / Đồ uống lạnh

<p>人氣排行</p>  <p>枸杞菊花飲(冷)1300ml \$200</p> <p>Chinese wolfberry chrysanthemum drink クコ菊花ドリンク 쿠기크리스마스음료 เครื่องดื่มเก๋าสีเหลือง Nước uống từ cây nhục đậu khấu và hoa cúc</p>	 <p>烏梅汁1300ml \$180</p> <p>Plum juice ウメジュース 우메주스 น้ำมะเขือเทศ Nước Ume</p>	 <p>可爾必思1300ml \$180</p> <p>Colbie コルビー 콜비 คอลบี้ Colbie</p>	 <p>玉露綠茶1300ml \$150</p> <p>Japanese Green Tea 日本綠茶 일본 녹차 ชาเขียวญี่ปุ่น Trà xanh Nhật Bản</p>	 <p>冬瓜檸檬1300ml \$150</p> <p>Lemon Wintermelon Tea レモン冬瓜茶 레몬 동과차 ชามะนาวและแตงกวา Trà bí đỏ chanh</p>	 <p>玫瑰荔枝醋 \$130</p> <p>Berry Peach Vinegar Drink 베리-치즈비네거 베리 복숭아 식초 น้ำส้มพริกไทยและผลไม้ Nước giải khát dứa đào vị giấm</p>
--	---	--	---	--	--

單點熱飲 Hot beverage / 熱い飲み物 / 따뜻한 음료 / เครื่องดื่มร้อน / Đồ uống nóng

<p>人氣排行</p>  <p>枸杞菊花飲(熱)1300ml \$200</p> <p>Chinese wolfberry chrysanthemum drink クコ菊花ドリンク 쿠기크리스마스음료 เครื่องดื่มเก๋าสีเหลือง Nước uống từ cây nhục đậu khấu và hoa cúc</p>	 <p>天仁高山烏龍茶 \$120</p> <p>High Mountain Oolong Tea 高山烏龍茶 고산 우롱차 ชาฉง เต้าหลี่ Trà Oolong núi cao</p>
--	---

罐裝冷飲、礦泉水 Canned drinks.Mineral water / 缶飲料.ミネラルウォーター / 캔 음료.광수 / เครื่องดื่มกระป๋อง.น้ำแร่ / Đồ uống lạnh đóng lon, nước khoáng

 <p>可口可樂 \$48</p> <p>Cola コーラ 콜라 Кола Coca Cola</p>	 <p>Zero零卡可口可樂 \$48</p> <p>Zero-calorie cola 제로칼로리콜라 제로칼로리 콜라 Кола không đường</p>	 <p>雪碧 \$48</p> <p>Sprite 스프라이트 스프라이트 Sprite</p>	 <p>冬瓜檸檬 \$48</p> <p>Lemon Wintermelon Tea 레몬 동과차 ชามะนาวและแตงกวา Trà bí đỏ chanh</p>	 <p>玉露綠茶 \$48</p> <p>Japanese Green Tea 日本綠茶 일본 녹차 ชาเขียวญี่ปุ่น Trà xanh Nhật Bản</p>	 <p>烏梅汁 \$68</p> <p>Plum juice 스프레우스 우메주스 น้ำมะเขือเทศ Nước Ume</p>	 <p>可爾必思 \$68</p> <p>Colbie コルビー 콜비 คอลบี้ Colbie</p>
 <p>王老吉涼茶310ml \$60</p> <p>Herbal tea 涼茶 왕가은 차 ชาสมุนไพร Trà thảo mộc</p>	 <p>礦泉水500ml \$60</p> <p>Mineral water מי네랄ウォーター 광수 น้ำแร่ Nước khoáng</p>					

酒類 Alcohol / お酒 / 주 / เหล้า / Rượu

 <p>海尼根330ml \$60</p> <p>Heineken 하이네켄 헤인켄 ไทเนเกน Heineken</p>	 <p>金牌台啤330ml \$50</p> <p>Taiwan Beer 台灣啤酒 티완 맥주 台啤 330ml Bia Đài Loan</p>	 <p>18天台灣生啤酒600ml \$150</p> <p>Taiwan 18 Days Beer 台灣18日啤酒 티완 18일 맥주 台啤 18日 600ml Bia 18 Ngày Đài Loan</p>	 <p>58°金門高粱酒(小)300ml \$480</p> <p>58° Kinmen Kaoliang Liquor 58度金門高粱酒 58도 고령주 58° 高粱酒 Rượu Kaoliang 58° Kinmen</p>	 <p>58°金門高粱酒(大)750ml \$980</p> <p>58° Kinmen Kaoliang Liquor 58度金門高粱酒 58도 고령주 58° 高粱酒 Rượu Kaoliang 58° Kinmen</p>
 <p>韓國水蜜桃燒酒360ml \$250</p> <p>Korean Peach Soju 韓國의桃燒酎 한국 복숭아 소주 桃酒 Soju Đào Hàn Quốc</p>	 <p>韓國青葡萄燒酒360ml \$250</p> <p>Korean Grape Soju 韓國의葡萄燒酎 한국 복숭아 소주 葡萄酒 Soju Nho Xanh Hàn Quốc</p>	 <p>玉泉清酒600ml \$480</p> <p>Sake 日本酒 마킬리 清酒 Rượu sake</p>	 <p>燕度格茲酒莊打破兒精選紅酒750ml \$680</p> <p>Bodegas Verduquez red wine Bodegas Verduquez 赤ワイン Bodegas Verduquez 레드 와인 Bodegas Verduquez 红酒 Vang đỏ Bodegas Verduquez</p>	 <p>嗎瑪蘭珍選單麥芽威士忌700ml \$1600</p> <p>Malt Whisky 몰트 위스키 麥芽威士忌 Rượu whisky từ mạch nha</p>

禁止酒駕 未滿18歲禁止飲酒

Don't Drink and Drive No drinking under 18
 飲酒運輸絶対禁止18歳未満の未成年者は、お酒を飲んではいけません
 음주운전 금지18세 미만 음주 금지
 ห้ามขับรถในขณะที่ดื่มเหล้า ไม่นอนุญาตให้ดื่มเหล้าก่อนอายุ 18 ปี
 Cấm lái xe khi đã uống rượu. Cấm uống rượu dưới 18 tuổi.